

Số:23/QĐ-ĐHTNH-ĐBCL

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

*(Về việc ban hành Hệ thống chỉ số đánh giá năng lực thực hiện - KPIs
áp dụng tại Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học 08/2012/QH13 ngày 28/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học
- Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội năm 2020;
- Căn cứ Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 của Trường Đại học Tài chính Ngân Hàng Hà Nội;
- Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra nội bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Hệ thống chỉ số đánh giá năng lực thực hiện – KPIs áp dụng tại Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho quyết định số 38/QĐ-ĐHTNH-ĐBCL ngày 15/8/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị, cán bộ, giảng viên và người học trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website trường;
- Lưu: VT; P.ĐBCL.



PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

HỆ THỐNG CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỰC HIỆN – KPIs

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHTH-ĐBCL ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội)

1. Mục đích xây dựng chỉ số năng lực thực hiện:

- Đảm bảo các đơn vị, cán bộ, giảng viên, sinh viên và người lao động trong toàn Trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Các chỉ số đánh giá mang tính định lượng, có thể đo lường cụ thể, do đó nâng cao hiệu quả của việc đánh giá thực hiện công việc.
- Việc sử dụng các chỉ số KPIs góp phần làm cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, công bằng và hiệu quả.

2. Căn cứ xây dựng chỉ số năng lực thực hiện:

- Căn cứ vào chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2016 - 2020;
- Căn cứ vào chiến lược đảm bảo chất lượng của Nhà trường năm học 2021 - 2022;
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra nội bộ - Trường đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động của các năm học trước, cơ hội, thách thức của Nhà trường.

3. Các chỉ số năng lực thực hiện:

STT	Nội dung công việc	KPIs	Ghi chú
I	Nhóm chỉ tiêu cơ sở vật chất		
1	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cơ bản về phòng học	100%	
2	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cơ bản về phòng thực hành, thí nghiệm	100%	
3	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cơ bản về trang thiết bị	90%	
4	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cơ bản về máy tính, hệ thống mạng.	80%	
5	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cơ bản về tài liệu, giáo trình (truyền thống)	85%	
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng hiệu quả CSVC của Nhà trường.	85%	
7	Tỷ lệ các bên liên quan hài lòng về CSVC của Nhà trường	85%	
II	Nhóm chỉ tiêu đội ngũ CBGV		
1	Số lượng CB GV	-	

STT	Nội dung công việc	KPIs	Ghi chú
2	Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học	90%	
3	Tỷ lệ GV có trình độ TS	20%	
4	Tỷ lệ SV/GV	25 SV/GV	
5	Tỷ lệ CBGV học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	40%	
III	Nhóm chỉ tiêu đào tạo (tính theo năm học)		
1	Tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo đề án tuyển sinh	90%	
2	Tỷ lệ tốt nghiệp cuối khóa (ĐHCQ) đúng hạn	85%	
3	Thời gian tốt nghiệp trung bình	3,5 - 4 năm	
4	Tỷ lệ thôi học	3,7%	
IV	Nhóm chỉ tiêu nghiên cứu khoa học (tính theo năm học)		
1	Đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh	01	
2	Đề tài NCKH cấp trường của CBGV	15-20	
3	Đề tài NCKH của SV	15	
4	Biên soạn giáo trình, tài liệu (loại)	5	
5	Xuất bản tạp chí khoa học Tài chính – Ngân hàng (bài viết)	-	
6	Các bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước.	50	
7	Các bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.	50	
8	Nội san xuất hàng năm	12	
9	Số lượng sinh viên tham gia NCKH		
10	Số lượng đối tác trong nước		
11	Số lượng đối tác ngoài nước		
12	Hội thảo khoa học sinh viên		
13	Hội thảo khoa học giảng viên		
V	Tài chính, kết quả thực hiện (tính theo năm học)		
1	Đảm bảo nguồn chi thường xuyên	100%	
2	Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách	100%	
3	Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán	100%	

STT	Nội dung công việc	KPIs	Ghi chú
4	Tỷ lệ sinh viên được nhận học bổng	6%	
5	Nguồn tiền huy động tài trợ học bổng	-	
VI	Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng (tính theo năm học)		
1	Tỷ lệ có việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp	75%	
2	Tỷ lệ CBGV tham gia đóng góp các hoạt động xã hội, từ thiện	100%	
3	Tỷ lệ sinh viên tham gia thiện nguyện	100%	
4	Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp	95%	
5	Số lượng sản phẩm NCKH đóng góp cho sự phát triển KT-XH của địa phương và cả nước	05	

